

Số: 95 /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn;

Căn cứ Nghị định 127/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 265/TTr-SKH&CN ngày 15/5/2009 và Công văn số 364/CV-SKH&CN ngày 18/6/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế này và các biểu mẫu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 70/1999/QĐ-UB ngày 20/8/1999 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành “Quy định tạm thời quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố”.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2009

QUY CHẾ

Quản lý các chương trình, đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND ngày 24/8/2009
của UBND thành phố Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý các chương trình, đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ có sử dụng một phần hoặc toàn bộ ngân sách Thành phố.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài chủ trì thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ trên địa bàn Hà Nội có sử dụng một phần hoặc toàn bộ ngân sách Thành phố.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích khái niệm

1. Chương trình khoa học và công nghệ là một nhóm đề tài, dự án khoa học và công nghệ được tập hợp theo một mục đích xác định nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ cụ thể hoặc ứng dụng trong thực tiễn.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế được thể hiện dưới các hình thức: đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm, đề tài khoa học xã hội và nhân văn, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ... (sau đây gọi tắt là đề tài).

3. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống (sau đây gọi tắt là dự án).

4. Dự án khoa học và công nghệ là nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và một số dự án sản xuất thử nghiệm gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định nhằm giải quyết các

vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

5. Đề án khoa học và công nghệ là nhiệm vụ đặc thù của Thành phố được tiến hành nhằm phục vụ hoạt động quản lý và phát triển khoa học và công nghệ. Đề án được xây dựng để trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công bố, phê duyệt (sau đây gọi tắt là đề án).

6. Chuyên đề khoa học và công nghệ là một vấn đề khoa học cần giải quyết trong quá trình nghiên cứu của một đề tài, dự án, đề án nhằm xác định những luận điểm khoa học và chứng minh những luận điểm này bằng những luận cứ khoa học, bao gồm luận cứ lý thuyết (cơ sở lý luận) và luận cứ thực tế (là kết quả khảo sát, điều tra, thí nghiệm do chính tác giả thực hiện hoặc trích dẫn công trình của các đồng nghiệp khác).

7. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy chế này.

8. Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy chế này.

Điều 3. Các hành vi bị cấm

1. Hành vi hoạt động khoa học và công nghệ trái đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường và sức khỏe con người, làm lây lan dịch bệnh, gây hại cho động, thực vật; lợi dụng hoạt động khoa học để xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, được quy định chi tiết tại Điều 7 của Nghị định số 127/2004/NĐ-CP.

2. Hành vi chiếm đoạt kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, sử dụng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức khác nhằm mục đích thu lợi về vật chất và tinh thần cho cá nhân, tổ chức mình, được quy định chi tiết tại Điều 8 của Nghị định số 127/2004/NĐ-CP.

3. Hành vi vi phạm về chuyển giao, chuyển nhượng, cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; vi phạm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, được quy định chi tiết tại Điều 9 của Nghị định số 127/2004/NĐ-CP.

4. Hành vi gian lận, giả mạo, vi phạm quy định về bí mật trong hoạt động khoa học và công nghệ, được quy định chi tiết tại điều 10, điều 11 của Nghị định số 127/2004/NĐ-CP.

5. Hành vi cản trở bất hợp pháp hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, được quy định chi tiết tại điều 12, điều 13 của Nghị định 127/2004/NĐ - CP; các hành vi khác được quy định tại điều 8 của

Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

6. Đề tài, dự án, đề án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí.

7. Các cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ không được quy định tại Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.

Chương II

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ VÀ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Căn cứ xác định nhiệm vụ

1. Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;
2. Các Chương trình công tác của Thành uỷ; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Thành phố;
3. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố; các Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Thành phố;
4. Đặt hàng nghiên cứu của Lãnh đạo Thành phố, lãnh đạo các sở, ngành, quận, huyện, thị xã nhằm phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của Thành phố;
5. Xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Thành phố hoặc một vùng, liên vùng có ảnh hưởng, tác động đến sự phát triển của Thủ đô;
6. Các nhiệm vụ đột xuất phát sinh.

Điều 5. Yêu cầu đối với đề tài, dự án, đề án

1. Đối với đề tài
 - a) Giá trị thực tiễn:
 - Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết của kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của Thành phố;
 - Tác động tích cực đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Thành phố;
 - Tạo tiền đề cho việc hình thành các ngành nghề mới, sản phẩm chủ lực góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.
 - b) Giá trị khoa học, công nghệ:
 - Giải quyết được những vấn đề khoa học, công nghệ mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực hoặc quốc tế;
 - Góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ nội sinh của Thành phố.

c) Tính khả thi:

- Các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước có đủ năng lực để giải quyết được trong khoảng thời gian không quá 2 năm, trừ trường hợp đặc biệt do yêu cầu của nội dung nghiên cứu, song tối đa không quá 3 năm;

- Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước;

- Kết quả nghiên cứu đáp ứng với nhu cầu và khả năng tiếp nhận, triển khai ứng dụng của xã hội.

2. Đối với dự án sản xuất thử nghiệm

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam, có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài, khai thác hợp lý tài nguyên hiện có;

- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi;

- Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp, không gây ô nhiễm môi trường và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau:

+ Kết quả của đề tài đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, thành phố trở lên đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị cho áp dụng vào thực tế.

+ Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền hoặc được giải thưởng khoa học và công nghệ và các nguồn khác.

+ Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nhận.

- Ngoài những trường hợp trên mà dự án sản xuất thử nghiệm có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả kinh tế lớn thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng khoa học để tư vấn, xem xét việc triển khai thực hiện của dự án.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội:

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án);

- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án.

3. Đối với đề án khoa học và công nghệ:

a) Đề xuất được phương án, giải pháp, cơ chế, chính sách, văn bản pháp quy góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý và phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố.

b) Phù hợp với đặc thù, thế mạnh của Thủ đô.

c) Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước.

d) Kết quả thực hiện đề án đáp ứng với nhu cầu và khả năng tiếp nhận, triển khai ứng dụng của xã hội.

Điều 6. Trình tự xác định danh mục đề tài, dự án

Căn cứ các yêu cầu được quy định tại Điều 4 của Quy chế này và các yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xây dựng danh mục đề tài, dự án hàng năm theo các bước sau:

1. Hội đồng Khoa học và Công nghệ Thủ đô đề xuất mục tiêu và xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên trong năm, Sở Khoa học và Công nghệ công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi tới tất cả các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã các trường đại học, các viện nghiên cứu, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp trên địa bàn để xin ý kiến góp ý. Đồng thời trình Thường trực Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến chỉ đạo và nhận các nội dung đặt hàng nghiên cứu khoa học bổ sung của lãnh đạo Thành phố.

2. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Thành phố và góp ý của các đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng hướng dẫn kế hoạch khoa học công nghệ gửi tới tất cả các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố và đăng tải nội dung trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Ngay sau khi hướng dẫn kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm được công bố, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài, dự án tại bộ phận “một cửa” của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Đề tài, dự án “đặt hàng”

1. Các đề tài, dự án được đặt hàng trực tiếp từ Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân Thành phố được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch. Các đề tài, dự án loại này sẽ được giao trực tiếp cho nhà khoa học nghiên cứu hoặc tổ chức hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm thực hiện.

2. Đề tài, dự án do các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã khi có yêu cầu nghiên cứu phải ghi rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu sản phẩm cần đạt. Sở Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến của các ngành liên quan, các Ban Chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ trước khi đưa vào kế hoạch hàng năm và tổ chức Hội đồng xét duyệt như những đề tài, dự án khác.

3. Những đề tài thuộc loại tối mật và tuyệt mật về an ninh, quốc phòng, và một số ngành khác có quy định độ mật phải được đưa vào danh mục riêng.

Điều 8. Đề tài, dự án, đề án phát sinh

1. Các đề tài, dự án, đề án phát sinh trong thực tiễn có tính cấp thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền đặt hàng trực tiếp hoặc tổ chức Hội đồng tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì và cấp kinh phí thực hiện.

2. Tổng kinh phí của các đề tài, dự án, đề án bổ sung ngoài kế hoạch không vượt quá 30% tổng kinh phí được duyệt cho nghiên cứu khoa học hàng năm. Nếu kinh phí đề tài, dự án, đề án bổ sung lớn hơn 300 triệu đồng (đối với 01 đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 1 tỷ đồng (đối với 01 đề tài, 01 dự án, 01 đề án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) thì phải xin ý kiến chấp thuận của Uỷ ban nhân dân Thành phố. Sau khi được Uỷ ban nhân dân Thành phố chấp thuận, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xét duyệt như những đề tài, dự án, đề án khác.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được ký kết hợp tác với các sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức khoa học khác trong toàn quốc để nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án, đề án phục vụ phát triển vùng, miền và cả nước. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở được quyền ký kết với các tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài, theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc tham gia, trên nguyên tắc các bên đều có lợi.

Điều 9. Tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án, đề án

1. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài, dự án, đề án có quyền tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện.

b) Cá nhân đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- Là nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà quản lý có trình độ từ đại học trở lên và có chuyên môn phù hợp, đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án, đề án trong 4 năm gần đây tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án.

c) Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tính đến thời điểm xét hồ sơ mà đang làm chủ nhiệm từ 1 đề tài, dự án, đề án cấp Thành phố trở lên;

- Trong thời gian 3 năm trở về trước tính đến thời điểm xét hồ sơ đã là chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án cấp Thành phố trở lên nhưng không hoàn thành khối lượng công việc hoặc đề tài, dự án, đề án bị Hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức “Không đạt”;

- Vi phạm quy định hiện hành về đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án, đề án cấp Thành phố.

2. Trình tự tuyển chọn:

a) Thông báo tuyển chọn;

b) Nhận Hồ sơ của các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn;

c) Mở hồ sơ;

d) Tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá hồ sơ tuyển chọn;

đ) Phê duyệt và thông báo kết quả tuyển chọn.

3. Trình tự xét chọn:

a) Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục đề tài, dự án gửi các Ban chủ nhiệm chương trình xin ý kiến;

b) Trên cơ sở kết quả tư vấn của Ban chủ nhiệm chương trình, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

c) Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định giao kế hoạch khoa học và công nghệ.

4. Bộ hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án theo biểu mẫu quy định;

- b) Thuyết minh đề tài, dự án, đề án theo mẫu quy định;
- c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án, đề án theo mẫu quy định;
- d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân đăng ký thực hiện chính theo mẫu quy định;
- đ) Văn bản xác nhận đồng ý của các tổ chức và cá nhân tham gia phối hợp thực hiện đề tài, dự án, đề án;
- e) Văn bản xác nhận đồng ý của các tổ chức đăng ký ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Mỗi văn bản trong bộ Hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như quy định trên từng biểu mẫu.

5. Phương thức đánh giá: việc đánh giá các Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100. Tiêu chí đánh giá và bảng chấm điểm cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Đề án không áp dụng phương thức tuyển chọn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ yêu cầu, nội dung của đề án và chức năng, nhiệm vụ, năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố giao kế hoạch thực hiện.

Điều 10. Điều kiện trúng tuyển và phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Điều kiện trúng tuyển:

a) Tổ chức và cá nhân được đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Được xếp hạng cao nhất theo kết quả tại khoản 5 Điều 9 của Quy chế này;
- Có tổng số điểm trung bình phải đạt tối thiểu là:

+ Đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn: có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí từ 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của phần nội dung thuyết minh đề tài, đạt tối thiểu 60/80 điểm và điểm trung bình của phần năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, đạt tối thiểu 10/20 điểm;

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí từ 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm;

+ Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: Có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí từ 65/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

b) Cá nhân đồng thời đăng ký nộp hồ sơ chủ trì từ 2 đề tài, dự án cấp Thành phố trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được lựa chọn chủ trì 01 đề tài hoặc 01 dự án. Ý kiến lựa chọn phải được gửi bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét quyết định.

c) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển từ chối không chủ trì thực hiện đề tài, dự án thì tổ chức, cá nhân có Hồ sơ có đủ điều kiện trúng tuyển xếp hạng tiếp theo sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ xem xét lựa chọn thay thế.

d) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực của tổ chức được đề nghị trúng tuyển trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn:

a) Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp theo mẫu quy định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ra Quyết định giao kế hoạch.

b) Căn cứ Quyết định giao kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả tuyển chọn, xét chọn đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển.

Chương III

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Chế độ kiểm tra

1. Định kỳ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, dự án, đề án theo thuyết minh và hợp đồng khoa học và công nghệ đã được phê duyệt, ký kết. Thành phần đoàn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, trong đó có ít nhất 2 thành viên đã tham gia Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn đầu vào của đề tài, dự án đó.

2. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định kiểm tra đột xuất việc thực hiện đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ.

3. Đề tài, dự án, đề án chỉ được cấp tiếp kinh phí thực hiện khi được đoàn kiểm tra xác nhận đã thực hiện đúng tiến độ theo thuyết minh và hợp đồng đã được phê duyệt, ký kết.

Điều 12. Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện

1. Theo yêu cầu công việc thực tế, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án được quyền điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán của đề tài, dự án, đề án nhưng không làm thay đổi mục tiêu của đề tài, dự án, đề án.

2. Trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định điều chỉnh một số nội dung, tiến độ, kinh phí giữa các nội dung trong thuyết minh đã được phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện, đề tài, dự án, đề án gặp các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...), cần phải điều chỉnh kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

4. Quyết định điều chỉnh và các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh là bộ phận của hợp đồng khoa học và công nghệ.

Điều 13. Chấm dứt thực hiện đề tài, dự án, đề án

1. Trên cơ sở kiểm tra thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định chấm dứt thực hiện đề tài, dự án, đề án trong các trường hợp sau:

a) Trong quá trình thực hiện, đề tài, dự án, đề án gặp các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...) dẫn đến không thể hoàn thành.

b) Vi phạm hợp đồng không đảm bảo các điều kiện để thực hiện hợp đồng, thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo thuyết minh và hợp đồng đã phê duyệt, ký kết; sử dụng kinh phí sai mục đích.

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án, tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức nghiên cứu; hướng nghiên cứu bị bế tắc; không còn nhu cầu nghiên cứu.

2. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện đề tài, dự án, đề án, các bên tham gia hợp đồng thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết giữa các bên và theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 14. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án

1. Trình tự đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án, đề án được tiến hành theo 2 bước:

a) Bước 1: Đánh giá cấp cơ sở là bước chuẩn bị để đánh giá, nghiệm thu chính thức, được tiến hành trước thời hạn kết thúc hợp đồng khoa học và công nghệ, chậm nhất là vào thời điểm kết thúc hợp đồng khoa học và công nghệ, nhằm xem xét các điều kiện để đưa ra đánh giá, nghiệm thu chính thức;

b) Bước 2: Đánh giá nghiệm thu cấp Thành phố là bước đánh giá, nghiệm thu chính thức, được tiến hành chậm nhất không quá 45 ngày sau thời hạn kết thúc hợp đồng khoa học và công nghệ, nhằm đánh giá toàn diện kết quả của đề tài, dự án, đề án so với thuyết minh và hợp đồng khoa học và công nghệ đã được phê duyệt, ký kết.

2. Tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá, xếp loại đề tài, dự án, đề án khoa học và công nghệ trong phiên họp của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở và cấp Thành phố thực hiện theo hướng dẫn của Sở khoa học và công nghệ.

3. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến đánh giá, xếp loại và kiến nghị của Hội đồng để xem xét, quyết định công nhận kết quả của đề tài, dự án, đề án.

4. Trường hợp cần thiết, ngoài ý kiến đánh giá, xếp loại của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến chuyên gia ngoài Hội đồng để đánh giá, nghiệm thu, bảo đảm việc công nhận kết quả của đề tài, dự án, đề án được chính xác, khách quan.

5. Đề tài, dự án, đề án có thời gian thực hiện trên một năm, vào thời điểm kết thúc năm ngân sách, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện phải tiến hành tổng kết năm để đánh giá khối lượng, chất lượng các nhiệm vụ đã tiến hành (theo thuyết minh và hợp đồng đã được phê duyệt, ký kết) và lập dự toán kinh phí chi tiết cho năm tiếp theo.

Điều 15. Xử lý, công nhận kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp Thành phố và thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Thành phố, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án có trách nhiệm:

a) Đối với đề tài, dự án, đề án được xếp loại “đạt” trở lên.

- Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp Thành phố theo ý kiến của Hội đồng;

- Tiến hành việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thực hiện việc thanh, quyết toán đề tài theo quy định hiện hành;

- Gửi hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đã được hoàn thiện và các giấy xác nhận việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thanh quyết toán tới Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án.

b) Đối với đề tài, dự án, đề án xếp loại không đạt, được Hội đồng kiến nghị cho nghiệm thu lại, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án có công văn gửi đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian để sửa chữa, hoàn thiện và làm lại thủ tục đánh giá, nghiệm thu cấp Thành phố.

2. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ và các giấy xác nhận việc bàn giao kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án của Chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Đối với đề tài, dự án, đề án được Hội đồng xếp loại từ “đạt” trở lên: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ra quyết định công nhận kết quả thực hiện.

b) Trường hợp đề tài, dự án, đề án xếp loại không đạt và được Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Thành phố kiến nghị cho nghiệm thu lại, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng;

c) Trường hợp đề tài, dự án, đề án xếp loại không đạt và Hội đồng không kiến nghị cho nghiệm thu lại hoặc đề tài, dự án, đề án đưa vào đánh giá, nghiệm thu cấp Thành phố lần thứ hai mà vẫn không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, ra quyết định xử lý về kinh phí đề tài, dự án, đề án theo quy định hiện hành của Pháp luật.

3. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án, các bên tham gia ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

GIAO NỘP, ĐĂNG KÝ, CÔNG BỐ, SỬ DỤNG, ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀO THỰC TẾ

Điều 16. Giao nộp, công bố kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án có sử dụng ngân sách Thành phố, trong thời gian 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả phải tiến hành giao nộp, kết quả nghiên cứu với Sở Khoa học và Công nghệ, đồng

thời phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức công bố kết quả nghiên cứu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đưa thông tin về nội dung và tóm tắt kết quả nghiên cứu trên các ấn phẩm, Website của Sở và Cổng thông tin điện tử của Thành phố đồng thời tổ chức lưu giữ kết quả nghiên cứu, các tài liệu liên quan để phổ biến, bàn giao kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế.

Điều 17. Sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu

1. Xác định quyền Sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu

a) Kết quả nghiên cứu của tất cả các đề tài, dự án sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách Thành phố đều thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi xác lập quyền sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan được UBND Thành phố giao trách nhiệm đứng tên chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;

b) Những đề tài, dự án sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách Thành phố nếu không có thoả thuận khác thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu chung của các bên tham gia đóng góp kinh phí. Phần sở hữu được xác định theo tỷ lệ đóng góp của các bên;

c) Các tổ chức, cá nhân nếu tiến hành xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Thành phố thì được Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ chi phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ;

d) Việc xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh phải được thực hiện theo quy định của Luật dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời phải được thể hiện trong bản hợp đồng khoa học và công nghệ giữa các bên.

2. Việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; khai thác sử dụng và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; phân chia lợi nhuận thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 18. Sử dụng thông tin kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký

1. Đối với các kết quả nghiên cứu không thuộc tài liệu mật, tổ chức, cá nhân được tiếp cận, tìm hiểu và sử dụng thông tin theo nội quy của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với các kết quả nghiên cứu thuộc tài liệu mật, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, phải có giấy tờ tùy thân kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan ghi rõ nội dung, yêu cầu sử dụng thông tin và phải được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đồng ý.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin của kết quả nghiên cứu phải thanh toán các chi phí dịch vụ thông tin thư viện theo quy định và tuân thủ pháp luật quy định về sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn Thủ đô ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ để đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được Thành phố hỗ trợ kinh phí tổ chức ứng dụng, cụ thể là:
 - a) Nội dung chi:
 - Kinh phí xây dựng phương án tổ chức ứng dụng;
 - Hỗ trợ kinh phí chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tế.
 - Kinh phí tổ chức hội nghị, đào tạo, tập huấn cán bộ trực tiếp tham gia ứng dụng kết quả;
 - Kinh phí tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá kết quả tổ chức ứng dụng...
 - b) Nguồn kinh phí: Các khoản kinh phí trên được trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của Thành phố giao cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm; định mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Được chủ nhiệm đề tài hướng dẫn nội dung, quy trình, phương thức thực hiện và đánh giá kết quả ứng dụng.
3. Được Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin miễn phí phục vụ cho việc tổ chức ứng dụng.

Chương V

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là đầu mối, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm và các chương trình, kế hoạch dài hạn.
2. Tổ chức tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án, đề án của Thành phố. Theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức đánh giá, nghiệm thu, lưu trữ, công bố kết quả nghiên cứu và triển khai ứng dụng vào thực tế.
3. Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố, các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án, đề án.

Điều 21. Tổ chức, quản lý các chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố

1. Tổ chức bộ máy quản lý chương trình:
 - a) Mỗi Chương trình có một Ban chủ nhiệm với tổng số không quá 15 người, bao gồm Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, các uỷ viên, uỷ viên thư ký và tổ thư ký.
 - b) Chủ nhiệm chương trình là cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, có uy tín khoa học, được tin nhiệm trong giới chuyên môn, có điều kiện đảm đương việc chỉ đạo chương trình. Các thành viên khác của Ban chủ nhiệm bao gồm các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp có chuyên môn phù hợp. Uỷ viên thư ký là chuyên viên của Sở Khoa học và Công nghệ giúp chủ nhiệm chương trình đảm bảo các thủ tục và chế độ cần thiết cho công tác quản lý của chương trình phù hợp với quy định của Nhà nước.
 - c) Nhiệm kỳ hoạt động của Ban chủ nhiệm chương trình là 5 năm. Trong thời gian này, nếu thấy cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể bổ sung hoặc miễn nhiệm một số thành viên Ban chủ nhiệm chương trình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chủ nhiệm chương trình:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Thủ đô, xây dựng mục tiêu và nội dung hoạt động của Chương trình theo kế hoạch 5 năm và hàng năm;

b) Xây dựng các mục tiêu, định hướng nghiên cứu và dự kiến sản phẩm của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể hàng năm;

c) Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện đề tài, dự án, đề án trong phạm vi chương trình, tham gia tư vấn tuyển chọn, xét chọn, đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án, đề án và giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều hành các hoạt động của chương trình;

d) Chủ nhiệm chương trình triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban chủ nhiệm chương trình, chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận tại các phiên họp của Ban chủ nhiệm, tổng hợp và thống nhất các ý kiến của các thành viên trong Ban chủ nhiệm, xây dựng các báo cáo về tình hình hoạt động của các chương trình hàng năm và 5 năm. Khi cần thiết, Chủ nhiệm chương trình có thể tổ chức họp mở rộng với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà sản xuất kinh doanh và đại diện các cơ quan quản lý có liên quan để đóng góp ý kiến cho việc xây dựng nhiệm vụ và triển khai chương trình.

đ) Ủy viên thư ký giúp chủ nhiệm chương trình chuẩn bị nội dung chương trình, điều kiện và phương tiện làm việc cho các kỳ họp và hoạt động của Ban chủ nhiệm chương trình, ghi biên bản các kỳ họp và tổng hợp, xây dựng các báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm chương trình.

e) Các thành viên trong Ban chủ nhiệm chương trình được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chi phí cho hoạt động của Ban chủ nhiệm các chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án

1. Chịu trách nhiệm về nội dung của đề tài, dự án, đề án được giao;

2. Cùng chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án ký kết với cơ quan được giao kế hoạch khoa học và công nghệ hợp đồng thực hiện đề tài, dự án, đề án...

3. Cùng chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các cam kết trong hợp đồng về:

a) Cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện) và nhân lực;

b) Điều phối kế hoạch, tiến độ thực hiện đề tài, dự án, đề án;

c) Các điều khoản khác thuộc trách nhiệm của Tổ chức chủ trì.

4. Quản lý kinh phí được cấp, cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng; tổ chức đấu thầu, mua sắm và quản lý trang bị, thiết bị của đề tài, dự án, đề án theo quy định hiện hành.

5. Định kỳ 6 tháng 1 lần hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với đề tài, dự án, đề án.

6. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của đề tài, dự án, đề án và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật. Phối hợp nghiên cứu, cung cấp, trao đổi thông tin với tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học khác có liên quan nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động khoa học và công nghệ, tránh chồng chéo, lãng phí.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ, công bố và bảo mật các tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành. Các kết quả của đề tài, dự án, đề án được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét cho tổ chức được chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, trình độ nghiên cứu và hiệu quả của kết quả nghiên cứu đề tài, dự án, đề án; có đăng ký sáng chế từ kết quả của đề tài, dự án, đề án; có phương án ứng dụng kết quả hoặc phương án thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của đề tài, dự án, đề án...

2. Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài, dự án, đề án theo quy định hiện hành.

3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài, dự án, đề án theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo 6 tháng một lần và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của đề tài, dự án, đề án.

4. Thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả thực hiện đề tài, dự án, đề án theo quy định hiện hành. Phối hợp với cơ quan được giao kế hoạch, đơn vị ứng dụng để ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu vào thực tế và được hưởng các quyền lợi từ hoạt động này theo quy định của pháp luật.

5. Được quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý nhà nước các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện đề tài, dự án, đề án được giao theo quy định của Pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn và nguyên tắc làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu (gọi tắt là Hội đồng)

1. Hội đồng có từ 7 - 9 thành viên, do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia khoa học và công nghệ, nhà quản lý, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn.

2. Hội đồng có 1 chủ tịch, có thể có một hoặc hai phó chủ tịch, có hai ủy viên phản biện, một ủy viên thư ký, các ủy viên khác và đại diện của cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu. Số cán bộ quản lý không vượt quá 1/3 số thành viên trong Hội đồng. Đối với những đề tài, dự án, đề án lớn (Có kinh phí trên 500 triệu đồng) trong trường hợp cần thiết có thể có 2 phản biện kín do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ định.

3. Đối với mỗi đề tài, dự án, thành phần Hội đồng từ khi tuyển chọn, xét duyệt đến khi nghiệm thu (Đặc biệt là uỷ viên phản biện) được giữ cố định, nếu thay đổi thì số lượng thành viên thay đổi không vượt quá 2/3 số thành viên ban đầu.

4. Chủ tịch Hội đồng, phó chủ tịch, các uỷ viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá khách quan, trung thực đề cương đề tài, dự án (Thuyết minh khoa học và công nghệ), kết quả của đề tài, dự án. Hội đồng làm việc công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá của mình. Các thành viên của hội đồng phải có ý kiến nhận xét, đánh giá đề tài, dự án bằng văn bản trong mỗi lần họp.

5. Mỗi thành viên Hội đồng phải được cung cấp đủ Hồ sơ của đề tài, dự án, đề án tùy theo mỗi lần họp tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu và phải có đủ thời gian để nghiên cứu, ít nhất là 05 ngày.

6. Những người tham gia chủ chốt trong đề tài, dự án, đề án, những người thuộc gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con) của chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án (hay những người tham gia chủ chốt trong đề tài, dự án, đề án) không được là thành viên trong Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu đề tài, dự án, đề án.

7. Hội đồng chỉ tiến hành làm việc khi có mặt chủ tịch (hoặc phó chủ tịch), có đủ bài nhận xét của 2 uỷ viên phản biện (có mặt ít nhất 1 uỷ viên phản biện) và 2/3 số thành viên trở lên. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án; cơ quan đặt hàng (nếu có) phải cử người đại diện có thẩm quyền tham dự. Hội đồng đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín chấm điểm theo tiêu chí, thang điểm được ban hành kèm theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

8. Nếu phiếu điểm nào có sự chênh lệch điểm lớn hơn 30% so với điểm trung bình của Hội đồng thì phiếu điểm đó không có giá trị và bị loại bỏ.

Điều 25. Tổ chức triển khai kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Website của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (trừ những đề tài có độ mật và tối mật phục vụ quốc phòng, an ninh và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật)

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị đặt hàng, chậm nhất là 30 ngày sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu và nộp báo cáo đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng khoa học. Các đơn vị chủ trì và đơn vị đặt hàng có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng/lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ (cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể đạt hay không đạt). Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cơ quan ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

Chương VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 26. Quản lý tài chính

1. Sau khi hoàn thành việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án, đề án, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính rà soát nội dung, kinh phí và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố duyệt phân bổ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí và cấp kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ theo chỉ tiêu kế hoạch dự toán được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Dự toán kinh phí cho từng đề tài, dự án, đề án do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng chế độ và định mức quy định.

5. Sau khi đề tài, dự án, đề án được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án theo tiến độ thực hiện và cấp kinh phí về tài khoản của tổ chức chủ trì.

6. Kinh phí đề tài, dự án, đề án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ theo các quy định hiện hành về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí với Sở Tài chính. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án có trách nhiệm quyết toán kinh phí của đề tài, dự án, đề án vào cuối kỳ kế hoạch hàng năm với Sở Khoa học và Công nghệ.

8. Đề tài, dự án, đề án chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi đề tài, dự án được giữ lại 10 – 20% trên tổng kinh phí của năm thực hiện, phần này sẽ được cấp sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu cấp Thành phố với kết quả “đạt” trở lên.

9. Đề tài, dự án, đề án sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối, trong thời hạn không quá 30 ngày, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án, đề án phải quyết toán kinh phí sau cùng với Sở Khoa học và Công nghệ.

10. Những đề tài, dự án, đề án không nhận 100% kinh phí nghiên cứu, triển khai từ ngân sách khoa học và công nghệ của thành phố, chỉ nhận kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ (dưới 100 triệu đồng) sau khi nghiệm thu 1 năm phải chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị khác hoặc công bố rộng rãi; ngân sách thành phố không hỗ trợ 1 đơn vị quá 2 lần trong 3 năm.

Điều 27. Quản lý tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Thành phố được phê duyệt mua sắm tài sản, trang thiết bị (sau đây gọi tắt là tài sản) phục vụ nhiệm vụ thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Việc xử lý tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí từ ngân sách Thành phố của các đề tài, dự án được thực hiện như sau:

a) Đối với đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách Thành phố thì tài sản được mua sắm là tài sản của Thành phố. Sau khi đề tài, dự án hoàn thành, nghiệm thu và quyết toán kinh phí, tài sản này được xử lý như sau:

- Trường hợp chủ trì đề tài, dự án là các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố có nhu cầu sử dụng thì cơ quan chủ quản của đề tài, dự án xem xét quyết định ghi tăng tài sản cho tổ chức theo quy định hiện hành;

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố còn thiếu tài sản có nhu cầu sử dụng hoặc còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do Nhà nước quy định;

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính tiến hành thanh lý đối với tài sản có giá trị mua ban đầu 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản;

- Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thanh lý đối với tài sản có giá trị mua ban đầu dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản theo quy định hiện hành.

b) Trường hợp kinh phí của Thành phố có tính chất hỗ trợ có thu hồi mà tổ chức chủ trì đề tài, dự án đã nộp ngân sách thành phố, thì tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thuộc quyền quản lý của đơn vị chủ trì. Việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chương VII

THANH TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Thanh tra

Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ hoặc đột xuất tiến hành thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 29. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Thành phố khen thưởng theo định kỳ hàng năm và 5 năm đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức xét thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, trao giải

thường khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thành phố vi phạm hợp đồng khoa học và công nghệ thì bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, vi phạm các quy định của bản Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình, đề tài, dự án, đề án của Thành phố thực hiện Quy chế này.

Điều 31. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, đề án có sử dụng ngân sách Thành phố

Mọi tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, đề án có trách nhiệm thi hành Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 32. Bổ sung, hoàn thiện Quy chế

1. Trong quá trình áp dụng Quy chế này, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Thủ đô, trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động quản lý đối với các chương trình, đề tài, dự án, đề án của Thành phố nhưng không được thể hiện trong quy chế này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *1992*

